QUỐC HỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Nghị quyết số: 65/2013/QH13

NGHỊ QUYẾT
Về phát hành bổ sung và phân bổ vốn trái phiếu chính phủ giai đoạn 2014 - 2016

QUỐC HỘI
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 1992 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị quyết số 51/2001/QH10;

Căn cứ Luật tổ chức Quốc hội; Luật ngân sách nhà nước;

Sau khi xem xét Tờ trình số 433/TTr-CP ngày 22 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ; Báo cáo thẩm tra số 1612/BC-UBTCNS13 ngày 22 tháng 10 năm 2013 của Ủy ban Tài chính - Ngân sách; Báo cáo giải trình, tiếp thu số 571/BC-UBTVQH13 ngày 25 tháng 11 năm 2013 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về phương án phát hành bổ sung và phân bổ vốn trái phiếu chính phủ giai đoạn 2014 - 2016 và ý kiến của các vị đại biểu Quốc hội.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Tổng mức phát hành và cơ cấu sử dụng vốn trái phiếu chính phủ

Phát hành bổ sung vốn trái phiếu chính phủ giai đoạn 2014 - 2016 là **170.000 tỷ đồng** (một trăm bảy mươi nghìn tỷ đồng) để đầu tư bốn nhóm dự án, công trình sau:

1. Các dự án cải tạo, nâng cấp Quốc lộ 1A và Đường Hồ Chí Minh đoạn qua Tây Nguyên là 61.680 tỷ đồng (sáu mươi mốt nghìn sáu trăm tám mươi tỷ đồng).

2. Các dự án, công trình dở dang đã có trong danh mục vốn trái phiếu chính phủ giai đoạn 2012 - 2015 sau khi rà soát nhưng còn thiếu vốn là 73.320 tỷ đồng (bảy mươi ba nghìn ba trăm hai mươi tỷ đồng).

3. Chương trình mục tiêu quốc gia Xây dựng nông thôn mới là 15.000 tỷ đồng (mười lăm nghìn tỷ đồng).

4. Vốn đối ứng cho các dự án sử dụng vốn ODA là 20.000 tỷ đồng (hai mươi nghìn tỷ đồng).

Căn cứ tổng mức phát hành trái phiếu chính phủ trung hạn đã được Quốc hội quyết định cho giai đoạn 2014 - 2016. Chính phủ thực hiện mức phát hành trái

phiếu chính phủ hàng năm theo tiến độ thực hiện các dự án, bảo đảm hiệu quả sử dụng nguồn vốn trái phiếu chính phủ.

Điều 2. Nguyên tắc phân bổ vốn trái phiếu chính phủ

1. Đối với các dự án cải tạo, nâng cấp Quốc lộ 1A và Đường Hồ Chí Minh đoạn qua Tây Nguyên: Thực hiện theo danh mục và mức vốn phân bổ cho từng dự án cụ thể theo Phụ lục đính kèm.

2. Đối với các dự án, công trình dở dang đã có trong danh mục vốn trái phiếu chính phủ giai đoạn 2012 - 2015 sau khi rà soát nhưng còn thiếu vốn, bố trí vốn theo thứ tự ưu tiên sau:

a) Hoàn thành dứt điểm các dự án, công trình còn thiếu vốn dưới 100 tỷ đồng trên một dự án thuộc phần vốn trái phiếu chính phủ;

b) Các dự án, công trình hoàn thành, bàn giao đưa vào sử dụng trước ngày 31/12/2013 nhưng còn thiếu vốn;

c) Bố trí đủ vốn theo tiến độ cho một số dự án, công trình quan trọng thuộc lĩnh vực giao thông, thủy lợi, y tế có tác động lớn đến phát triển kinh tế - xã hội của vùng, miền để sớm hoàn thành đưa vào sử dụng;

d) Các dự án, công trình dự kiến sẽ hoàn thành trong năm 2014 và năm 2015;

đ) Bố trí vốn cho một số dự án quan trọng thuộc tuyến Đường tuần tra biên giới giai đoạn 2;

e) Đối với Dự án Luồng cho tàu có trọng tải lớn vào sông Hậu: Giao Chính phủ chịu trách nhiệm đánh giá kỹ về tác động môi trường và hiệu quả của Dự án; cắt, giảm các hạng mục chưa cần thiết, chỉ bố trí vốn cho giai đoạn 1 để dự án phát huy tác dụng thiết thực.

Trên cơ sở tổng mức vốn quy định tại khoản 2 Điều 1 và các nguyên tắc phân bổ vốn trái phiếu chính phủ bổ sung được quy định tại khoản 2 Điều này, Chính phủ khẩn trương xây dựng danh mục và phương án phân bổ vốn trung hạn ba năm 2014 - 2016 cho từng dự án, công trình, trình Ủy ban thường vụ Quốc hội xem xét, quyết định trước ngày 31/01/2014. Các bộ, ngành và địa phương tiếp tục huy động các nguồn vốn khác để hoàn thành dự án, công trình được bố trí vốn và chịu trách nhiệm bố trí vốn cho phần điều chỉnh tổng mức đầu tư do tăng quy mộ.

3. Đối với Chương trình mục tiêu quốc gia Xây dựng nông thôn mới:

Bố trí vốn để đầu tư cơ sở hạ tầng cho các xã theo đúng mục tiêu của chương trình đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt; trong đó ưu tiên tập trung cho các xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu theo Quyết định số 551/QĐ-TTg ngày 04/4/2013 của Thủ tướng Chính phủ; các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo theo Quyết định số 539/QĐ-TTg ngày 01/4/2013 của Thủ tướng Chính phủ; các xã nghèo theo tiêu chuẩn chí thuộc: Huyện nghèo theo

Nghị quyết số 30a/2008/NQ-CP, 23 huyện nghèo có tỷ lệ hộ nghèo cao được áp dụng cơ chế, chính sách đầu tư cơ sở hạ tầng theo quy định của Nghị quyết số 30a/2008/NQ-CP theo Quyết định số 615/QĐ-TTg ngày 25/4/2011 và Quyết định số 293/QĐ-TTg ngày 05/02/2013 của Thủ tướng Chính phủ, các huyện miền núi của các tỉnh giáp Tây Nguyên, vùng Đồng bằng sông Cửu Long và các vùng còn lại; các xã điểm theo chỉ đạo của Trung ương. Trên cơ sở tổng mức vốn quy định tại khoản 3 Điều 1 của Nghị quyết này, Chính phủ thực hiện phân bổ vốn cho các xã bảo đảm đúng mục tiêu và các nguyên tắc được quy định tại khoản này.

4. Đối với các dự án sử dụng vốn ODA:

Chỉ bố trí vốn đối ứng cho các dự án hạ tầng kinh tế - xã hội do Trung ương quản lý và hỗ trợ vốn đối ứng các dự án hạ tầng kinh tế - xã hội cho các địa phương nghèo đang phải nhận bổ sung cân đối ngân sách từ Trung ương theo đúng các tiêu chí, định mức hỗ trợ được quy định tại Quyết định số 60/2010/QĐ-TTg ngày 30/9/2010 của Thủ tướng Chính phủ. Trên cơ sở tổng mức vốn quy định tại khoản 4 Điều 1 của Nghị quyết này, Chính phủ thực hiện phân bổ vốn cho các dự án, công trình bảo đảm đúng nguyên tắc được quy định tại khoản này.

Điều 3. Về giám sát, kiểm toán, thanh tra

Ủy ban thường vụ Quốc hội, Ủy ban Tài chính - Ngân sách, Hội đồng dân tộc và các Ủy ban khác của Quốc hội, Đoàn đại biểu Quốc hội, đại biểu Quốc hội, Hội đồng nhân dân các cấp, Kiểm toán nhà nước, Thanh tra Chính phủ trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn giám sát, kiểm toán, thanh tra việc thực hiện Nghị quyết này./.

Nghị quyết này đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 6 thông qua ngày 28 tháng 11 năm 2013./.

CHỦ TỊCH QUỐC HỘI

Nguyễn Sinh Hùng

Phụ lục

BỐ TRÍ VỐN TRÁI PHIẾU CHÍNH PHỦ BỔ SUNG GIAI ĐOẠN 2014-2016 CHO CÁC DỰ ÁN CẢI TẠO, NÂNG CẤP QUỐC LỘ 1A VÀ ĐƯỜNG HỒ CHÍ MINH ĐOẠN QUA TÂY NGUYÊN

(Kèm theo Nghị quyết số 65/2013/QH13 ngày 28 tháng 11 năm 2013)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	QĐ đầu tư		Lũy kế tất cả các nguồn vốn đã được bố trí đến hết năm 2013	Nhu cầu vốn TPCP giai đoạn 2014-2016	Kế hoạch vốn TPCP giai đoạn 2014-2016
					Số QĐ; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
	BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI					**64,298,525**	**2,614,550**	**61,683,975**	**61,680,000**
I	**Quốc lộ 1A**					**53,317,482**	**2,614,550**	**50,702,932**	**50,700,000**
1	Dự án mở rộng QL1A đoạn tránh thành phố Ninh Bình (đường tỉnh 477 kéo dài)	Ninh Bình	17,4 km, 4 làn xe	2013 - 2016	580/QĐ-UBND ngày 23/8/2011	1,486,951		1,486,951	1,486,900
2	Dự án mở rộng QL1A đoạn Dốc Xây - Thanh Hóa (Km285+400 - Nút giao tuyến tránh thành phố Thanh Hóa và Đại lộ Lê Lợi)	Thanh Hóa	46 km, 4 làn xe	2010 - 2016	903/QĐ-BGTVT ngày 02/4/2010; 1912/QĐ-BGTVT ngày 05/7/2013	4,803,768	1,597,000	3,206,768	3,206,000
3	Dự án mở rộng QL1A đoạn Thanh Hóa - Diễn Châu (Km330+000 - Km368+400; Km383+115 - Km425+900)	Thanh Hóa, Nghệ An	71,9 km, 4 làn xe	2010 - 2016	881/QĐ-BGTVT ngày 01/4/2010	3,014,166	330,550	2,683,616	2,683,600
4	Đoạn qua thị trấn Cầu Giát - Dự án mở rộng QL1A đoạn qua thị trấn Hoàng Mai và thị trấn Cầu Giát (Km402+300 - Km407+000)	Nghệ An	4,7 km, 4 làn xe	2010 - 2016	2797/QĐ-BGTVT ngày 12/9/2013	559,096	41,000	518,096	518,000

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	QĐ đầu tư		Lũy kế tất cả các nguồn vốn đã được bố trí đến hết năm 2013	Nhu cầu vốn TPCP giai đoạn 2014-2016	Kế hoạch vốn TPCP giai đoạn 2014-2016
					Số QĐ; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT			
5	Dự án mở rộng QL1A đoạn Diễn Châu - Quán Hành (Km425+900 - Km449+300)	Nghệ An	23,4 km, 4 làn xe	2010 - 2016	700/QĐ-BGTVT ngày 19/3/2010	1,217,639	496,000	721,639	721,600
6	Dự án mở rộng quốc lộ 1A đoạn Quán Hành - Quán Bánh từ Km 451+000 - Km458+000	Nghệ An	7 km, 4 làn xe	2013 - 2016	650/QĐ-BGTVT ngày 17/3/2010	726,680		726,680	726,600
7	Dự án mở rộng QL1A đoạn Nam tuyến tránh TP. Hà Tĩnh - Vũng Áng (Km517+950 - Km556; Km556 - Km589+600)	Hà Tĩnh	71,6 km, 4 làn xe	2013 - 2016	2015/QĐ-BGTVT ngày 12/7/2013 và 2047/QĐ-BGTVT ngày 15/7/2013	3,305,458	60,000	3,245,458	3,245,400
8	Dự án đầu tư xây dựng công trình mở rộng QL1 đoạn Km587+000 - Km597+549, Km605+000 - Km617+000, Km641+000 - Km649+700 thuộc tỉnh Hà Tĩnh và tỉnh Quảng Bình	Hà Tĩnh, Quảng Bình	23,5 km, 4 làn xe	2013 - 2016	1384/QĐ-BGTVT ngày 23/5/2013	1,209,938		1,209,938	1,209,900
9	Dự án đầu tư xây dựng công trình mở rộng QL1 đoạn Km649+700-Km657+025,89, Km663+900-Km671+228,94, Km672+821,54-Km717+100 thuộc địa phận tỉnh Quảng Bình	Quảng Bình	59,2 km, 4 làn xe	2013 - 2016	1377/QĐ-BGTVT ngày 23/5/2013	2,740,516		2,740,516	2,740,500

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	QĐ đầu tư		Lũy kế tất cả các nguồn vốn đã được bố trí đến hết năm 2013	Nhu cầu vốn TPCP giai đoạn 2014-2016	Kế hoạch vốn TPCP giai đoạn 2014-2016
					Số QĐ; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT			
10	Dự án đầu tư xây dựng công trình mở rộng QL1 đoạn Km717+100 - Km741+170, Km769+800 - Km770+680 và đoạn Km771+200 - Km791A+500 thuộc địa phận tỉnh Quảng Trị	Quảng Trị	41,9 km, 4 làn xe	2013 - 2016	1383/QĐ-BGTVT ngày 23/5/2013	2,990,926		2,990,926	2,990,900
11	Dự án đầu tư xây dựng công trình mở rộng QL1 đoạn La Sơn - Lăng Cô (Km848+875 - Km890+200)	Thừa Thiên Huế	34 km, 4 làn xe	2013 - 2016	Đang chờ phê duyệt dự án	2,300,000		2,300,000	2,300,000
12	Dự án đầu tư tăng cường mặt đường QL1 đoạn Km942- Km987 qua địa phận tỉnh Quảng Nam	Quảng Nam	30,5 km, 4 làn xe	2013 - 2015	1353/QĐ-BGTVT ngày 22/5/2013	95,088		95,088	95,000
13	Dự án đầu tư xây dựng công trình mở rộng QL1 đoạn Km1027-Km1063+877 và Km1092+577-Km1125, tỉnh Quảng Ngãi	Quảng Ngãi	52,3 km, 4 làn xe	2013 - 2016	1352/QĐ-BGTVT ngày 22/5/2013	2,709,380		2,709,380	2,709,000
14	Dự án đầu tư xây dựng mở rộng QL1 đoạn Km1045+780 - Km 1051+845 và Km 1060+080 - Km1063+877 (do dự án số 13 chỉ tăng cường mặt đường đoạn này)	Quảng Ngãi	9,8 km, 4 làn xe	2013 - 2016	Đang chờ phê duyệt dự án	450,000		450,000	450,000
15	Dự án đầu tư xây dựng công trình mở rộng QL1 đoạn Km1153- Km1212+400 thuộc tỉnh Bình Định	Bình Định	60,6 km, 4 làn xe	2013 - 2016	1396/QĐ-BGTVT ngày 23/5/2013	4,109,051		4,109,051	4,109,000
16	Dự án đầu tư xây dựng công trình mở rộng QL1 đoạn Km1265- Km1353+300 thuộc tỉnh Phú Yên	Phú Yên	66,2 km, 4 làn xe	2013 - 2016	1385/QĐ-BGTVT ngày 23/5/2013	4,350,350		4,350,350	4,350,000

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	QĐ đầu tư		Lũy kế tất cả các nguồn vốn đã được bố trí đến hết năm 2013	Nhu cầu vốn TPCP giai đoạn 2014-2016	Kế hoạch vốn TPCP giai đoạn 2014-2016
					Số QĐ; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT			
17	Dự án đầu tư xây dựng công trình mở rộng QL1 đoạn Km1392 - Km1405 và Km1425 -Km1445 thuộc tỉnh Khánh Hòa	Khánh Hòa	30,2 km, 4 làn xe	2013 - 2016	1368/QĐ-BGTVT ngày 22/5/2013	2,257,048		2,257,048	2,257,000
18	Dự án đầu tư xây dựng công trình mở rộng QL1 đoạn Km1445 - Km1488 tỉnh Khánh Hòa	Khánh Hòa	36,7 km, 4 làn xe	2013 - 2016	1367/QĐ-BGTVT ngày 22/5/2013	2,335,746		2,335,746	2,335,400
19	Dự án đầu tư xây dựng công trình mở rộng QL1 đoạn Km1561+134 - Km1563+000, Km1567+500 - Km1573+350, Km1574+500 - Km1581+950, Km1584+550 - Km1586+000 và Km1588+500 - Km1589+300, tỉnh Ninh Thuận	Ninh Thuận	17,4 km, 4 làn xe	2013 - 2016	1398/QĐ-BGTVT ngày 23/5/2013	968,826		968,826	968,800
20	Dự án đầu tư xây dựng công trình mở rộng QL1 đoạn Km1589+300-Km1642+000 và Km1692+000 - Km1720+800 tỉnh Bình Thuận	Bình Thuận	73,5 km, 4 làn xe	2013 - 2016	1378/QĐ-BGTVT ngày 23/5/2013	5,370,065		5,370,065	5,370,000
21	Dự án đầu tư xây dựng công trình mở rộng QL1 đoạn qua thành phố Tân An, tỉnh Long An	Long An	5,4 km, 4 làn xe	2013 - 2016	732/QĐ-BGTVT ngày 25/3/2013	321,110		321,110	321,100

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	QĐ đầu tư		Lũy kế tất cả các nguồn vốn đã được bố trí đến hết năm 2013	Nhu cầu vốn TPCP giai đoạn 2014-2016	Kế hoạch vốn TPCP giai đoạn 2014-2016
					Số QĐ; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT			
22	Dự án 03 cầu vượt đường sắt Bắc Nam với QL1A	Ninh Bình, Nghệ An, Đồng Nai	BTCT vĩnh cửu, HL93	2013 - 2014	2537/QĐ-BGTVT ngày 26/8/2013; 2925/QĐ-BGTVT ngày 24/9/2013; 2743/QĐ-BGTVT ngày 09/9/2013;	947,680		947,680	947,300
23	Hầm Đèo Cả (BT hầm Cổ Mã, và kinh phí giải phóng mặt bằng)	Phú Yên, Khánh Hòa	13,4 km, 4 làn xe, 2 hầm	2012 - 2016	47/QĐ-BGTVT ngày 05/01/2012	5,048,000	90,000	4,958,000	4,958,000
II	**Đường Hồ Chí Minh đoạn qua khu vực Tây Nguyên**					**10,981,043**		**10,981,043**	**10,980,000**
1	Dự án đầu tư nâng cấp mở rộng đường Hồ Chí Minh đoạn Tân Cảnh - Kon Tum	Kon Tum	23,7 km, cấp III đồng bằng	2013 - 2016	1171/QĐ-BGTVT, 06/5/2010	860,080		860,080	860,000
2	Dự án đầu tư nâng cấp mở rộng đường Hồ Chí Minh đoạn Km1667+570 - Km1738+148 (Km607+600 - Km678+734, QL14)	Gia Lai, Đắk Lắk	70,1 km, cấp III đồng bằng	2013 - 2016	1582/QĐ-BGTVT, 10/6/2013	2,632,795		2,632,795	2,632,000

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	QĐ đầu tư		Lũy kế tất cả các nguồn vốn đã được bố trí đến hết năm 2013	Nhu cầu vốn TPCP giai đoạn 2014-2016	Kế hoạch vốn TPCP giai đoạn 2014-2016
					Số QĐ; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT			
3	Dự án đầu tư nâng cấp mở rộng đường Hồ Chí Minh đoạn Km1824-Km1876 (Km765 - Km 817, QL14) và cầu Serepok Km1792+850-Km1793+850 (Km733+850-Km734+600, QL14)	Đăk Lăk, Đăk Nông	50,7 km, cấp III đồng bằng	2013 - 2016	1928/QĐ-BGTVT ngày 05/7/2013	1,446,168		1,446,168	1,446,000
4	Dự án đầu tư nâng cấp mở rộng đường Hồ Chí Minh đoạn Cây Chanh - Cầu 38 (Km 887+200 đến Km 921+025,91, QL14)	Bình Phước	33,8 km, cấp III đồng bằng	2013 - 2016	Đang chờ phê duyệt lại QĐ đầu tư	1,350,000		1,350,000	1,350,000
5	Dự án đầu tư nâng cấp mở rộng đường Hồ Chí Minh đoạn Đồng Xoài - Chơn Thành (Km 970+700 đến Km 994+188, QL14)	Bình Phước	30,7 km, cấp III đồng bằng	2013 - 2016	Đang chờ phê duyệt lại QĐ đầu tư	1,610,000		1,610,000	1,610,000
6	Đường tránh đô thị Gia Nghĩa tỉnh Đắk Nông (tránh quốc lộ 14)	Đăk Nông	30,7 km, cấp III đồng bằng	2013 - 2016	1317/QĐ-UBND ngày 27/8/2010	981,000		981,000	981,000
7	Dự án đầu tư xây dựng 14 cầu trên tuyến đoạn Đăk Nông và Bình Phước	Đăk Nông, Bình Phước	14 cầu BTCT	2013 - 2016	Đang chờ phê duyệt dự án	2,101,000		2,101,000	2,101,000